

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2018/HS-ST
Ngày 20-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Huân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Ôn và ông Nguyễn Quang KH

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Thành Đạt, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 266/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Quàng Thị L, sinh năm 1984, tại Điện Biên; Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Đội 14, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Quàng Văn C, sinh năm 1937.

Con bà: Quàng Thị E, sinh năm 1942.

Bị cáo có chồng Quàng Văn H, sinh năm 1983 (đã ly hôn) và hai con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 05/8/2018, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 07 giờ ngày 04/8/2018, bị cáo Quàng Thị L trao đổi và thỏa thuận với một người đàn ông tên H bị cáo không rõ địa chỉ. Theo đó H sẽ

mua của bị cáo 10 kg quả thuốc phiện khô với giá 500.000 đồng/kg và khoảng 02 lạng nhựa thuốc phiện với giá 5.000.000 đồng/1 lạng. H hẹn bị cáo khoảng 11 giờ ngày 05/8/2018 sẽ quay lại nhà bị cáo để lấy hàng như đã thỏa thuận. Khoảng 15 giờ cùng ngày Quảng Thị L đến nhà Lò Thị P thỏa thuận mua của P 11 kg quả thuốc phiện khô với giá 400.000 đồng/kg và khoảng 02 lạng nhựa thuốc phiện với giá 4.000.000 đồng/1 lạng. Bị cáo trả cho P 4.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo hẹn P trả sau khi bán hết số quả và nhựa thuốc phiện. Sau khi thỏa thuận xong thì P chuyển cho bị cáo 02 bao xác rắn có chứa quả thuốc phiện khô và một gói thuốc phiện được bọc bên ngoài bằng ni lông màu trắng có chữ. Quảng Thị L cất các bao quả và nhựa thuốc phiện vào góc nhà và sinh hoạt bình thường. Đến 11 giờ cùng ngày H đến nhà bị cáo hỏi đã có quả và nhựa thuốc phiện chưa thì bị cáo mang 02 bao quả thuốc phiện và cầm gói nhựa thuốc phiện ra đứng cạnh H thì bị tổ công tác Công an huyện Đ phối hợp với Công an huyện M vào nhà kiểm tra bắt quả tang, thu giữ vật chứng của bị cáo. Đối tượng H bỏ chạy, tổ công tác không truy bắt được.

Cáo trạng số 211/CT-VKSĐB ngày 24/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Quảng Thị L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 65 Bộ luật hình sự, Điều 69 Luật THAHS; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Tuyên phạt bị cáo Quảng Thị L từ 30 đến 36 tháng tù cho bị cáo hưởng án treo về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Án định thời gian thử thách 05 năm đối với bị cáo, tuyên trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị giam giữ về tội phạm khác. Giao bị cáo Quảng Thị L cho UBND xã T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí HSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng

hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ phạm tội:

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 11 giờ 15 phút ngày 05/8/2018 bút lục 01 đến 04, người bị bắt Quàng Thị L thừa nhận đã bị Công an huyện Đ bắt quả tang thu giữ 01 gói bên ngoài bằng ni lông màu trắng có chữ, bên trong gói có chứa chất nhựa màu nâu đen nghi là thuốc phiện; 02 bao xác rắn, một bao màu trắng, một bao màu hồng, bên trong các bao xác rắn có các quả hình cầu, vỏ khô màu vàng xám, bên trong quả có các hạt màu xám trắng nghi là quả thuốc phiện. Bị cáo thừa nhận các bao quả và gói nhựa màu nâu đen là của bị cáo.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 17 giờ 00 phút ngày 05/8/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tại bút lục số 10, 11 thì khối lượng vật chứng thu giữ của bị cáo Quàng Thị L là 192,7 gam chất nhựa dẻo màu nâu đen, trích mẫu gửi giám định 1,85 gam. Tổng khối lượng hai bao quả khô hình cầu, vỏ khô màu vàng xám, bên trong quả có các hạt màu xám trắng là 8,9 kg, trích mẫu gửi giám định 350 gam.

Kết luận giám định số 723/GĐ-PC54 ngày 17/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên tại bút lục số 44 kết luận mẫu chất dẻo màu nâu đen trích ra từ vật chứng thu giữ của Quàng Thị L gửi giám định là chất ma túy loại Thuốc phiện. Hai mẫu quả thực vật trích ra từ vật chứng thu giữ của Quàng Thị L gửi giám định là quả thuốc phiện. Chưa có cơ sở để xác định quả thuốc phiện tươi hay khô. Thuốc phiện nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 398, mục IID, danh mục II, Nghị định 73/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Không hoàn lại đối tượng giám định.

Bảng ảnh chụp Quàng Thị L cùng vật chứng là quả thuốc phiện và gói nhựa thuốc phiện tại bút lục số 83 xác định: Quả thuốc phiện khô, màu xám có khối lượng 8,9 kg. Chất nhựa dẻo màu nâu là thuốc phiện có khối lượng 192,7 gam.

Các biên bản ghi lời khai, hỏi cung bị can Quàng Thị L từ bút lục số 52 đến 67 chứng minh bị cáo Quàng Thị L đã mua được hai bao quả thuốc phiện và một gói nhựa thuốc phiện của đối tượng Lò Thị P ở đội 8D, xã T, huyện Đ để bán cho đối tượng tên H kiểm lời.

Biên bản ghi lời khai của Lò Thị P từ bút lục 70, 71, P thừa nhận có biết Quàng Thị L nhà ở đội 14, xã T, huyện Đ. Lò Thị P không công nhận đã bán quả thuốc phiện khô và nhựa thuốc phiện cho Quàng Thị L.

Huy chương kháng chiến Hạng Nhất mang tên ông Quàng Văn C đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước bút lục số 76, 76a xác định bố đẻ của bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy Chương.

Bản Kết luận điều tra số 202/KLĐT ngày 11/10/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tại các bút lục từ 95 đến 97 kết luận chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra vụ án hình sự đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị truy tố bị cáo Quảng Thị L ra công khai trước pháp luật về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Quảng Thị L có tội, bị cáo đã mua thuốc phiện và quả thuốc phiện khô là chất ma túy về bán cho người khác nhằm mục đích kiếm lời. Chứng cứ xác định bị cáo đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" được quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Quảng Thị L có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[3] Về tính chất mức độ phạm tội: Khối lượng ma túy bị thu giữ của Quảng Thị L là 192,7 gam thuốc phiện và 8,9 kg quả thuốc phiện khô. Như vậy bị cáo đã mua bán hai chất ma túy ở hai điểm khác nhau của Điều 251 Bộ luật hình sự và các chất ma túy đều có khối lượng dưới mức tối thiểu đối với từng chất đó theo quy định tại khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Do vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số Điều của Bộ luật hình sự năm 2015 thì việc xác định tổng tỷ lệ phần trăm như sau:

Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Thuốc phiện bị thu giữ so với mức tối thiểu đối với Thuốc phiện quy định tại khoản 2 của Điều 251 của Bộ luật Hình sự là: $(192,7 : 500) \times 100 = 38,54\%$

Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của quả Thuốc phiện khô bị thu giữ so với mức tối thiểu đối với quả Thuốc phiện khô quy định tại khoản 2 của Điều 251 của Bộ luật Hình sự là: $(8,9 : 50) \times 100 = 17,8\%$

Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của cả hai chất ma túy là $38,54\% + 17,8\% = 56,34\%$ dưới 100% cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 của Điều 251 Bộ luật hình sự. Tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và ở khung hình phạt từ 02 đến 07 năm tù.

[4] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, là người phụ nữ dân tộc Thái, do hoàn cảnh khó khăn mà bị cáo làm kinh tế bằng thu nhập bất hợp pháp. Đây là nguyên nhân chính để Quảng Thị L phạm tội và phải nhận một bản án không đáng có trong đời.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa bị Tòa án xét xử do vậy lần phạm tội này bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bồ đề của bị cáo được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huy chương

kháng chiến Hạng Nhất do đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Nhận định trên đây đủ cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú ở đội 14, xã T, huyện Đ. Bị cáo được áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ, trong đó có một tình tiết giảm nhẹ thật thà khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, là công dân cư trú tại đội 14, xã T, huyện Đ. Không cần phải bắt Quàng Thị L chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hơn nữa bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình do bị cáo đã ly hôn chồng, một mình bị cáo làm ăn để nuôi hai con nhỏ.

Đối chiếu theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo Quàng Thị L có đủ điều kiện được hưởng án treo. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách để tạo điều kiện cho bị cáo nhận thức, sửa chữa lỗi lầm, làm ăn chân chính, nuôi dạy các con trưởng thành.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét điều kiện hoàn cảnh bị cáo khó khăn, con còn nhỏ, bản thân nghiện ma túy và không giữ chức vụ gì trong xã hội. Bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Quàng Thị L.

[8] Các vấn đề khác: Đối với nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, bị cáo khai mua của Lò Thị P ở đội 8D, xã T, huyện Đ. Quá trình điều tra Lò Thị P không thừa nhận hành vi đã bán ma túy cho Quàng Thị L. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không có cơ sở để làm rõ đối tượng. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối tượng tên H là người giao dịch mua ma túy của Quàng Thị L. Khi tổ công tác phát hiện bắt quả tang Quàng Thị L cùng vật chứng thì H bỏ chạy nên tổ công tác không truy bắt được. Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng của vụ án: Vật chứng của vụ án là 192,7 gam Thuốc phiện, trích mẫu gửi giám định 1,85 gam; 8,9 kg quả thuốc phiện khô trích mẫu gửi giám định 350 gam, không hoàn lại đối tượng giám định. Vật chứng này tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của

UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Quàng Thị L** phạm tội "**Mua bán trái phép chất ma túy**".

- Xử phạt bị cáo **Quàng Thị L 03** (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **05** (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án, ngày 20/11/2018. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho Quàng Thị L nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. Giao Quàng Thị L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo PH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy 8,9 kg quả thuốc phiện khô, trích mẫu giám định 350 gam không hoàn lại đối tượng giám định. Vật chứng được đựng trong 02 bao xác rắn có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng hồi 10 giờ 00 phút ngày 29/10/2018 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

+ Tịch thu tiêu hủy 192,7 gam nhựa thuốc phiện, trích mẫu giám định 1,85 gam không hoàn lại đối tượng giám định. Vật chứng được đựng 01 phong bì có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng hồi 10 giờ 00 phút ngày 29/10/2018 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

2. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Quàng Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 20/11/2018.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bộ phận HSNV Công an huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T, huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu.

Nguyễn Mạnh Huân